TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2023/HS-ST
Ngày: 07 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Phạm Đức Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H), sinh ngày 04/7/1973; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Mai H1 (đã chết) và bà Phan Thị N; Có vợ là Triệu Thị L1 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 21/6/1991, Nguyễn Xuân H bị Công an huyện K, tỉnh T1 bắt về hành vi "Cưỡng đoạt tài sản của công dân" và ngày 09/07/1992 bị Công an

huyện K, tỉnh T1 bắt về hành vi "Tổ chức dùng chất ma túy". Qua xác minh tại Công an huyện K, tỉnh T1 thể hiện không còn lưu trữ hai hồ sơ nêu trên.

Ngày 15/12/1992 Nguyễn Xuân H bị Công an huyện K, tỉnh T1 bắt về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác". Qua xác minh tại Công an tỉnh T1 thể hiện không còn lưu trữ hồ sơ nêu trên.

Bản án số 14/1993/HSST ngày 10/9/1993 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T1 xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Qua xác minh tại Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T1 thể hiện không còn lưu trữ bản án nêu trên.

Bản án số 22/ST ngày 15/11/2001 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T1 xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 27/10/2002, phần trách nhiệm dân sự người được thi hành án không có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền 350.000 đồng sung quỹ Nhà nước và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm được đình chỉ thi hành án năm 2009.

Bản án số 01/HSST ngày 16/01/2004 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T1 xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 01/02/2005, án phí được đình chỉ thi hành án năm 2009.

Bản án số 139/2007/HSST ngày 05/10/2007 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 06/10/2009, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 01/6/2014.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29b/QĐ-XPVPHC ngày 20/4/2007 của Công an huyện K, tỉnh T1 xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 đưa vào Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động Xã hội thành phố T1 với thời hạn 12 tháng do nghiện ma túy, ngày 28/4/2011 chấp hành xong.

Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 đưa vào cơ sở giáo dục T2 với thời hạn 24 tháng do nhiều lần trộm cắp tài sản, ngày 01/11/2013 chấp hành xong.

Bản án số 10/2015/HSST ngày 18/03/2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T1 xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong án phạt tù ngày 18/04/2017, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/8/2015.

Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 63/2019/QĐ-TA ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 với thời hạn 24 tháng, ngày 29/6/2021 H chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 17/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Phương T3, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 27, ngõ 455, đường L2, tổ 14, phường K1, thành phố T1, tỉnh T1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, phường T4, thành phố T1, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 15/8/2023, Nguyễn Xuân H đi bộ lang thang tại khu đô thị P, tổ 05, phường Q, thành phố T1, tỉnh T1 với mục đích ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đến trước cửa số nhà 02, đường số 7, khu đô thị P, H quan sát thấy có 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO GOGO S4 màu vàng đen, không đeo biển kiểm soát, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa của chị Nguyễn Thị Phương T3. Quan sát xung quanh không có người trông giữ tài sản, H tiến lại gần ngồi lên xe và điều khiển xe máy điện đi. Khi đến đoạn đường vắng (H không nhớ tên đường) thì dừng xe, thay quần áo mới, vứt số quần áo, mũ, khẩu trang đã mặc trước đó đi nhằm tránh bị phát hiện. H mở cốp xe máy điện, kiểm tra bên trong thấy có số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). H lấy số tiền trên cho vào túi quần bò bên phải của H đang mặc rồi tiếp tục điều khiển xe máy điện đi tìm cửa hàng xe máy điện để bán. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe đến Cửa hàng M1 tại đường N1, tổ 14, phường B, thành phố T1, tỉnh T1. Tại cửa hàng, H gặp chị Nguyễn Thị Hồng M, H nói với chị M muốn bán xe máy điện của vợ không dùng nữa. Chị M hỏi giấy tờ xe, H nói *"Xe có giấy tờ nhưng do vội đi nên không mang theo"* và bảo chị M cứ mua xe đi đến buổi tối H sẽ cầm giấy tờ lên cửa hàng sau. Chị M đồng ý mua và trả trước số tiền 3.000.000 đồng, hẹn khi nào H mang giấy tờ lên sẽ trả nốt số tiền 500.000 đồng. Số tiền bán xe, H đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 16/08/2023 chị

Nguyễn Thị Phương T3 đã đến Công an phường Q, thành phố T1 trình báo sự việc.

Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Trị giá 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO GOGO S4 màu vàng đen, không đeo biển kiểm soát tại thời điểm định giá ngày 17/8/2023 là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Phương T3 đã nhận lại chiếc xe máy điện trên và yêu cầu Nguyễn Xuân H phải trả lại số tiền 300.000 đồng mà H đã lấy trong cốp xe máy điện của chị. Chị Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu Nguyễn Xuân H phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng mà chị đã bỏ ra mua chiếc xe máy điện trên.

Bản Cáo trạng số 201/CT-VKSTPTB ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/8/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương T3 300.000 đồng và chị Nguyễn Thị Hồng M 3.000.000 đồng.

- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Nguyễn Xuân H nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản trích xuất và niêm phong dữ liệu camera ngày 16/8/2023, biên bản xác định địa điểm, bản ảnh xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 12 giờ 40 phút ngày 15/08/2023, tại khu vực trước cửa số nhà 02, đường số 7, khu đô thị P, tổ 05, phường Q, thành phố T1, tỉnh T1, Nguyễn Xuân H có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO GOGO S4 màu vàng - đen, không đeo biển kiểm soát của chị Nguyễn Thị Phương T3 và số tiền 300.000 đồng chị T3 để trong cốp xe máy điện. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.400.000 đồng.

Hành vi trên của Nguyễn Xuân H đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học, không rèn luyện bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội mà còn vi phạm pháp luật.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO GOGO S4 màu vàng - đen, không đeo biển kiểm soát, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Phương T3. Ngày 15/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại xe cho chị Nguyễn Thị Phương T3.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Hồng M đã trả cho H để mua chiếc xe máy điện, H đã chi tiêu cá nhân hết, chị M có yêu cầu H phải trả lại số tiền trên. Do đó buộc Nguyễn Xuân H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng M số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc Nguyễn Xuân H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương T3 số tiền 300.000 đồng.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị Hồng M: Khi mua xe máy điện DIBAO GOGO S4 màu vàng - đen, không đeo biển kiểm soát, chị M không biết chiếc xe là tài sản do H trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173, điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 17/8/2023.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Phương T3 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và chị Nguyễn Thị Hồng M số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý